

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG SƠN  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 01/2020/DS – ST

Ngày: 01/7/2020

V/v “*Tranh chấp về thừa kế  
tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Thiệu Sỹ Phấn

2. Bà Lê Thị Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện sát nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST - DS ngày 17 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị X - sinh năm 1935 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 50 khu phố Phụng L, thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà Lê Thị Phụng  
- Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa. (có mặt).

**- Bị đơn:** Chị Thiệu Thị T - Sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 50 khu phố Phụng L, thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Cháu Nguyễn Diệu Th - sinh ngày 26/3/2003 (có mặt)

2. Cháu Nguyễn Đài Tr - sinh ngày 26/3/3/2003 (có mặt)

*Người đại diện của cháu Tr và cháu Th:*

Chị Thiệu Thị T, sinh năm 1979 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 50 khu phố Phụng L, thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa (Là mẹ đẻ cháu Th và Tr).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị X và người bảo vệ lợi ích hợp pháp cho bà X thống nhất trình bày (tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án):*

Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau và sinh được tám người con Nguyễn Văn Qu, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn H. Đến năm 2008 ông T chết. Năm 2012 bà X cho anh Th đất tại thửa đất 1016, tờ bản đồ số 01 diện tích là 141m<sup>2</sup> địa chỉ tại số nhà 50 khối 4 (nay là khu phố Phụng L), thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa.

Năm 2009, con trai ông bà là anh Nguyễn Văn Th phát hiện bị ung thư phải mổ cắt ruột, sau khi mổ xong, anh Th vay tiền để xây nhà hai tầng kiên cố cho vợ con ở trên diện tích đất 141m<sup>2</sup> tại số nhà 50 khối 4 (nay là khu phố Phụng L), thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa, vì biết bệnh tật của mình không sống được lâu. Đến năm 2014, anh Th chết. Sau khi anh Th chết để lại tài sản gồm: 01 ngôi nhà 02 tầng trên diện tích đất 141m<sup>2</sup> tại số nhà 50 khối 4 (nay là khu phố Phụng L), thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn Th và chị Thiều Thị T cấp năm 2013. Tài sản này là tài sản chung của anh Th và chị T trong thời kỳ hôn nhân, nên bà khởi kiện đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật. Nay bà mới biết anh Th đã có di chúc để lại di sản của anh Th cho vợ là chị Thiều Thị T và hai con là Nguyễn Diệu Th và Nguyễn Đài Tr nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo bà X, sau khi anh Th chết, chị T có cải tạo lại một số công trình như sau: Làm bán bình + cửa cổng sắt, bán bình lợp tôn xộp, lát nền gạch men, ốp cầu thang, sơn và sửa lại tay vịn cầu thang là mới bếp và công trình phụ.

Diện tích đất của anh Th là do trước đây nhà nước cấp cho bà và bà đã chia cho các con.

Nay chị T có đề nghị tách phần tài sản mà chị T đã cải tạo, sửa chữa thì bà cũng đồng ý tách riêng cho chị T.

*\* Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Thiều Thị T trình bày như sau:*

Chị và anh Nguyễn Văn Th kết hôn năm 1999 và đã sinh được hai người con là Nguyễn Diệu Th, Nguyễn Đài Tr đều sinh ngày 26/3/2003.

Trong thời gian kết hôn vợ chồng chị đã lập được khối tài sản diện tích 141m<sup>2</sup> và ngôi nhà 02 tầng trên thửa đất số 1016 tờ bản đồ số 01 tại số nhà 50 khu phố Phụng L, thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Th và Thiều Thị T do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đông Sơn cấp ngày 15/11/2013.

Đến năm 2009, anh Th phát hiện bị bệnh ung thư, biết không thể sống được lâu, nên đến ngày 05/4/2010, anh Th đã tự nguyện đến Văn phòng Công chứng Hồng Đức tỉnh Thanh Hóa tại số 24 Trần Phú, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa lập di chúc để lại toàn bộ di sản của anh là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất tại số nhà 50 khu phố Phương L, thị trấn Rừng Th, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa cho chị và các con là Nguyễn Diệu Th và Nguyễn Đài Tr. Mục đích anh nói là để mẹ con chị có nơi ở ổn định và để chị làm ăn và trả nợ khoản chị vay để chi phí trả nợ cho anh. Từ khi chồng chị phát hiện bệnh cho đến khi chết bà Nguyễn Thị X là mẹ đẻ của anh Th nhưng không có trách nhiệm và thường xuyên chửi bới và đòi chia tài sản. Hiện nay chị và các con đang ở tại ngôi nhà số 50 khu phố Phương L, thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa. Để thực hiện theo ý nguyện của anh Th để lại chị đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu khởi kiện của bà X để mẹ con chị ổn định cuộc sống và có nơi để thờ phụng anh Th.

Tài sản giữa chị và anh Th là nhà và đất tại số nhà 50 khu phố Phương L, thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa trước khi anh Th chết gồm: Nhà và đất tại số nhà 50 khu phố Phương L, thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa. Tình trạng nhà: 01 nhà mái bằng, một tầng rưỡi mới xây và chát xong, chưa sơn, nền bằng xi măng, tay vịn bằng gỗ, bếp là tận dụng luồng và ngói của nhà cũ để làm lấy nơi nấu và công trình phụ là bán tự hoại. Sau khi anh Th chết, năm 2017 chị đã tự bỏ tiền ra để cải tạo, sửa chữa ngôi nhà cụ thể như sau: Làm bán bình + cửa cổng bằng sắt, bán bình lợp tôn xộp; lát nền bằng gạch men (cả nền nhà + bán bình); sơn toàn bộ ngôi nhà; sơn, sửa lại tay vịn cầu thang; làm mới bếp và công trình phụ nối liền nhà chính (vì bếp và công trình phụ trước đây ở cách và cuối đám đất do đã hư hỏng nên đã lập công trình phụ chỉ còn lại bếp cũ hiện nay đang để đồ lặt vặt trong gia đình và chị thay mái mới bằng lợp bờ lô xi măng vào năm 2017). Bức tường sau nhà giáp nhà anh H, chị và anh Th xây vào năm 2008. Phần đất phía sau bên hông nhà trước đây giáp đất nhà bà X nhưng sau này bà X đã cho con trai là Nguyễn Văn H sử dụng, bà X cho anh H vào thời điểm nào thì chị không biết. Nay bà X khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của anh Th, chị T tự nguyện nhập phần tài sản chị được hưởng trong khối tài sản chung của chị và anh Th và phần tài sản chị xây dựng, sửa chữa - sau khi anh Th chết vào khối di sản thừa kế mà anh Th để lại cho chị và hai cháu Tr, Th).

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Đài Tr, cháu Nguyễn Diệu Th và người đại diện hợp pháp cho trình bày:*

Bố cháu Tr và Th là Nguyễn Văn Th kết hôn với mẹ là Thiệu Thị T năm 1999, sinh được hai chị em. Bố mẹ có khối tài sản gồm 141 m<sup>2</sup> đất và ngôi nhà 2 tầng tại thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 01 đã được UBND huyện Đông Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 634465 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00346 ngày 20/7/2009. Năm 2009 bố bị bệnh ung thư biết không thể sống được nên ngày 05/4/2010 bố đã lập di chúc với nội dung sau khi bố qua đời để lại toàn bộ di sản là phần quyền sử dụng đất và sở hữu nhà tại số nhà 50 Khu phố Phương L, thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh

Hóa cho ba mẹ con là Thiều Thị T, Nguyễn Diệu Th và Nguyễn Đài Tr được hưởng thừa kế toàn bộ di sản. Đến tháng 11/2013 nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố mẹ là Nguyễn Văn Th và Thiều Thị T, đến ngày 11/02/2014 thì bố Nguyễn Văn Th chết, năm 2017 mẹ Thiều Thị T có vay mượn để tu sửa lại nhà tổng trị giá khoảng hơn 200 triệu. Nay bà nội (Nguyễn Thị X) có đơn khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế nguyện vọng của các cháu và của mẹ là yêu cầu Tòa án xem xét để các cháu và mẹ được hưởng quyền lợi theo quy định và di chúc của bố để lại.

- *Tại biên bản thẩm định, định giá tài sản ngày 05/5/2020, thể hiện:* Tài sản bà X yêu cầu chia thừa kế tại số 50 khu phố Phụng L, thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, gồm:

Đất ở: Diện tích  $141\text{m}^2$  trị giá 846.000.000đ ( $6.000.000\text{đ}/\text{m}^2$ )

Tài sản trên đất:

1. Phần tài sản của anh Nguyễn Văn Th để lại hiện nay chị Thiều Thị T đang quản lý sử dụng là:

- 01 Nhà mái bằng 1,5 tầng, gạch chỉ, nền xi măng, chưa sơn. Diện tích sử dụng tầng 1:  $50,184\text{m}^2 \times 2.916.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 146.336.544\text{đ}$ , tầng 2:  $35,64\text{m}^2 \times 2.786.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 99.293.040\text{đ}$ .

- Tấm đan bê tông cốt thép tầng 1:  $0,864\text{m}^3 \times 3.462.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 2.991.168\text{đ}$ .

- 01 Bể nước tầng 2, kích thước  $0,9581\text{m}^3$ , trị giá 1.720.748đ.

- 01 bê tông đáy bể ;  $0,41325 \times 3.341.000 \text{ đ} = 1.380.668 \text{ đ}$

- 01 Nhà bếp xây gạch không nung, một mái, ngói, nền xi măng diện tích  $13,175\text{m}^2$  trị giá 14.676.950đ.

- 02 Bức tường sau nhà xây gạch không nung, xây vào năm 2009, diện tích  $16,9\text{m}^2$  trị giá 2.180.100đ.

Tổng giá trị tài sản trên đất: 268.582.218 đ

2. Phần tài sản chị Thiều Thị T cải tạo, sửa chữa, xây mới sau khi anh Th chết:

- 01 nhà bếp tường xây gạch không nung, đã sơn tường, nền lát gạch Cremit 30 x 50, trần lợp tôn xốp, diện tích  $25,875\text{m}^2$ , trị giá 27.789.750đ.

- Ốp gạch nhà bếp + tường:  $18\text{m}^2$  trị giá 2.790.000đ.

- Nhà vệ sinh diện tích  $5,8275\text{m}^2$  trị giá 10.874.115đ.

- 01 Bình nóng lạnh Terroli: 450.000đ

- 01 Bồn cầu bet: 350.000đ

- 01 Bàn bếp lát đá trị giá 940.500đ

- Lát nền cả nhà bằng gạch Cremit 60 x 60 cả hai tầng trị giá 15.019.200đ.

- Bán bình phía trước nhà lợp tôn, lát gạch Cremit 60 x 60, tường xây gạch chỉ diện tích  $29,5\text{m}^2$  trị giá 66.552.000đ.

- 01 Cửa xếp: 5.587.200đ.

Tổng giá trị tài sản là: 130.352.565đ

*Tại phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị X và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà X vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Chị Thiều Thị T đề nghị Tòa án công nhận di chúc hợp pháp và đồng ý phân chia di sản thừa kế theo di chúc của anh Nguyễn Văn Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 623, 624, 625, 626, 630, 643, 644 Bộ luật Dân sự.

Xử: Công nhận bản di chúc của anh Nguyễn Văn Th lập ngày 05/4/2019 tại Văn phòng công chứng Hồng Đức là hợp pháp. Giao cho chị Thiều Thị T và hai cháu Nguyễn Diệu Th, Nguyễn Đài Tr có toàn quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt đối với diện tích 141m<sup>2</sup> đất và tài sản, công trình trên đất tại thửa đất số tại thửa số 1016, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính Thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X. Buộc chị Thiều Thị T và hai cháu Nguyễn Diệu Th, Nguyễn Đài Tr phải giao cho bà Nguyễn Thị X số tiền tương ứng với hai phần ba một suất của một người thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn Th.

- Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà X được miễn án phí, chị T, cháu Th và cháu Tr phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án tranh chấp về chia di sản thừa kế. Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về áp dụng pháp luật*: Thời điểm mở thừa kế năm 2014 (Bộ luật dân sự 2005 đang có hiệu lực thi hành). Tuy nhiên, quy định về thừa kế trong vụ án này giữa bộ luật dân sự 2005 và Bộ luật dân sự 2015 không khác nhau, nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự hiện hành để giải quyết, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự.

[3] *Về thời hiệu*: Anh Nguyễn Văn Th chết năm 2014, đến ngày 06/12/2019 bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế do anh

Th để lại là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự 2015.

[4] *Về di sản thừa kế:*

Có cơ sở xác định toàn bộ diện tích đất 141m<sup>2</sup> tại thửa số 1016, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính Thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa và công trình trên đất là tài sản chung vợ chồng của anh Nguyễn Văn Th và chị Thiều Thị T, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn Th và chị Thiều Thị T ngày 15/11/2013.

Vì vậy, di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn Th được xác định là ½ khối tài sản trên - cụ thể là diện tích 70,5m<sup>2</sup> và ½ công trình nhà xây dựng trên đất (không tính phần công trình chị T xây dựng năm 2017 sau khi anh Th chết). Tổng trị giá di sản thừa kế (theo biên bản định giá tài sản) là:

(846.000.000 đồng + 268.582.218 đồng): 2 = 557.291.109 đồng.

Phần còn lại thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị Thiều Thị T.

[5] *Về bản di chúc của anh Nguyễn Văn Th lập ngày 04/5/2010:*

Về hình thức: Đây là di chúc bằng văn bản, được lập tại Văn phòng công chứng Hồng Đức, người lập di chúc ký tên và điểm chỉ vào bản di chúc, có sự chứng kiến của công chứng viên, công chứng viên ký vào bản di chúc.

Về nội dung: Anh Nguyễn Văn Th viết “Sau khi tôi qua đời, thì toàn bộ tài sản của tôi là phần quyền sử dụng đất và sở hữu nhà tại số nhà 50, khối 4, Thị trấn Rừng th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa sẽ cho vợ tôi là Thiều Thị T, sinh năm 1978, chứng minh nhân dân số 173000140 do công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 15/11/2004, địa chỉ thường trú tại số nhà 50, khối 4, thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa và hai con là Nguyễn Diệu Th, sinh năm 2003 và Nguyễn Đài Tr, sinh năm 2003 được hưởng thừa kế toàn bộ”.

Như vậy, về hình thức và nội dung, bản di chúc đều phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 624, Điều 625, Điều 627, Điều 630, Điều 631 Bộ luật dân sự - Đây là bản di chúc hợp pháp.

[6] *Về yêu cầu chia thừa kế của các đương sự:* Bản di chúc của anh Nguyễn Văn Th là hợp pháp do đó di sản của anh Th để lại được chia theo di chúc, trong bản di chúc anh Th định đoạt toàn bộ phần tài sản của mình trong khối tài sản chung với vợ là chị Thiều Thị T cho chị T và hai con. Bà Nguyễn Thị X là mẹ đẻ anh Th, nhưng anh Th lập di chúc không cho bà X được hưởng di sản của anh. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 644 Bộ luật Dân sự về người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc, nên bà X vẫn được hưởng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật nếu di sản được chia theo pháp luật (hàng thừa kế thứ nhất của anh Th nếu di sản chia theo pháp luật gồm chị T, bà X và hai cháu Th, Tr).

Chị T có công sức trong việc quản lý, tôn tạo di sản, nên trích công sức tôn tạo bảo quản di sản thừa kế cho chị trị giá 57.291.109đ.

[7] *Về phân chia di sản thừa kế của anh Th:* Di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn Th sau khi trích công sức quản lý, tôn tạo cho chị T trị giá 500.000.000đ. Hiện nay, chị Thiều Thị T và hai cháu Th, Tr đang sinh sống trên

ngôi nhà, thửa đất đã được UBND huyện Đông Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị và anh Th, và đây là chỗ ở duy nhất, với thực trạng diện tích đất hiện có và các công trình trên đất thì không thể chia di sản thừa kế cho bà X bằng hiện vật (nhà, đất). Mặt khác, bà Nguyễn Thị Xuân hiện nay đang sinh sống tại ngôi nhà bên cạnh, nên chia cho bà X trị giá di sản bằng tiền. Cụ thể trị giá di sản bà X được hưởng là:  $[(557.291.109đ - 57.291.109 đ): 4] \times 2/3 = 83.333.333đ$ .

Vì hai cháu Th, Tr chưa thành niên, chị T là người đại diện cho hai cháu nên chị T có trách nhiệm thanh toán cho bà X số tiền 83.333.333đ.

+ Phần chị T được hưởng =  $\frac{1}{2}$  trong khối tài sản chung của chị và anh Th có giá trị là 557. 262. 610 đồng và phần tài sản chị Thiệu Thị T xây dựng năm 2017 (sau khi anh Th chết) có giá trị là 130.352.565đ, chị T tự nguyện nhập vào khối di sản thừa kế mà anh Th để lại cho chị và hai cháu Th, Tr. Nên cần giao toàn bộ tài sản nhà đất tại địa chỉ SN 50 Khu phố Phụng L, Thị Trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa cho chị Thiệu Thị T và hai cháu Nguyễn Diệu Th, Nguyễn Đài Tr sở hữu, sử dụng gồm: Diện tích 141m<sup>2</sup> đất và tài sản, công trình trên đất tại thửa đất 1016, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: SN 50 Khu phố Phụng L, Thị Trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa. Hiện cháu Nguyễn Diệu Th và Nguyễn Đài Tr chưa đủ tuổi thành niên nên chị Thiệu Thị T là đại diện cho các cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

[8] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Chị Thiệu Thị T và các cháu Nguyễn Diệu Th và Nguyễn Đài Tr phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản mình được hưởng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, tuy nhiên vì cháu Th, cháu Tr chưa đủ 18 tuổi, chị T là đại diện cho các cháu nên chị T chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 201, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 611, 612, 613, 624, 630, 633, 644 Bộ luật dân sự 2015. Điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

- Công nhận bản di chúc của anh Nguyễn Văn Th lập ngày 05/4/2019 tại Văn phòng Công chứng Hồng Đức là hợp pháp.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X.

- Chấp nhận sự tự nguyện của chị Thiệu Thị T về việc nhập số tài sản chị T được hưởng =  $\frac{1}{2}$  trong khối tài sản chung của chị và anh Nguyễn Văn Th có giá trị là 557. 291. 109đ và phần tài sản chị T xây dựng năm 2017 (sau khi anh Th chết) có giá trị là 130.352.565đ vào khối di sản thừa kế mà anh Th để lại cho

chị Thiều Thị T và hai cháu Nguyễn Diệu Th, Nguyễn Đài Tr (theo bản di chúc của anh Th lập ngày 05/4/2019).

- Giao toàn bộ tài sản nhà đất tại địa chỉ SN 50 Khu phố Phụng L, Thị Trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa cho chị Thiều Thị T và hai cháu Nguyễn Diệu Th, Nguyễn Đài Tr sở hữu, sử dụng gồm: Diện tích 141m<sup>2</sup> đất và tài sản, công trình trên đất tại thửa đất 1016, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: SN 50 Khu phố Phụng L, Thị Trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa (có tứ cận: Phía Đông giáp nhà bà L, Phía Tây giáp nhà bà Nguyễn Thị X, Phía Nam giáp mặt đường quốc lộ 45, Phía Bắc giáp nhà bà Nguyễn Thị X), tổng giá trị tài sản là 1.244.934.783 đồng. Hiện cháu Nguyễn Diệu Th và Nguyễn Đài Tr chưa đủ tuổi thành niên nên chị Thiều Thị T là đại diện cho các cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

- Chị Thiều Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 83.333.333 đồng (Tám mươi ba triệu ba trăm ba ba nghìn ba trăm ba ba đồng).

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được trả, nếu người phải thi hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Chị Thiều Thị T và các cháu Nguyễn Diệu Th, Nguyễn Đài Tr liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật (vì hai cháu Th, Tr chưa đủ 18 tuổi nên chị Tám là người đại diện).

Về án phí dân sự sơ thẩm: - Bà Nguyễn Thị X được miễn án phí.

- Chị Thiều Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm 22.958.311 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Các đương sự;
- THA huyện Đông Sơn
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trịnh Thị Hà**



